

Số: /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai; Đo đạc và bản đồ; Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu Tài nguyên và Môi trường thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 629/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 579/QĐ-BNNMT ngày 01/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 659/QĐ-BNNMT ngày 04/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Đo đạc, Bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 704/QĐ-BNNMT ngày 09/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu Tài nguyên Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giữa Văn phòng UBND tỉnh với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong việc công bố, cập nhật, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 95/TTr-SNNMT ngày 11/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai; Đo đạc và bản đồ; Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước (*Có Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Mục XII. Lĩnh vực đất đai cấp tỉnh, Mục XIII. Lĩnh vực Đo đạc và Bản đồ, Mục XVIII. Lĩnh vực tổng hợp thuộc phần A Thủ tục hành chính cấp tỉnh; Mục VII. Lĩnh vực đất đai cấp huyện thuộc Phần B Thủ tục hành chính cấp huyện; Mục VI. Lĩnh vực đất đai cấp xã thuộc phần C Thủ tục hành chính cấp xã tại Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 26/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ NN&MT ;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LDVP; P.KSTTHC;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh

PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI; ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ; KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

I. Lĩnh vực đất đai cấp tỉnh

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
1.	1.012752	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức	Không quá 20 ngày đối với các khu vực không phải là các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; 30 ngày đối với các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành	(1) Phí thẩm định giao đất, cho thuê đất: 4.000.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh) và 300.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở) (2) Phí, lệ phí cấp GCN: * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với đất: 100.000 đồng/lần. * Đơn giá đăng ký và	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; thời gian trích đo địa chính thửa đất).	chính công tỉnh	cấp Giấy chứng nhận đối với đất: 1.887.000 đồng/giấy. Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 GCN hoặc 1 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 566.000 đồng/giấy	<p>dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p> <p>(4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015;</p> <p>(5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019;</p> <p>(6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021;</p> <p>(7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021</p>	
2.	1.012755	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu	Không quá 20 ngày đối với các khu vực không phải là các xã miền núi, biên giới; vùng	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ	(1) Phí thẩm định giao đất, cho thuê đất: 4.000.000 đồng (đối với	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		<p>giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao</p>	<p>có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; không quá 30 ngày đối với các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; thời gian trích đo địa chính thửa đất).</p>	<p>công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh) và 300.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở)</p> <p>(2) Phí, lệ phí cấp GCN: * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với đất: 100.000 đồng/lần. * Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận đối với đất: 1.887.000 đồng/giấy. Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 GCN hoặc 1 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 566.000 đồng/giấy</p>	<p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. (4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (5) Nghị quyết số</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021.	
3.	1.012757	Giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất	Không quá 20 ngày đối với các khu vực không phải là các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	(1) Phí thẩm định giao đất, cho thuê đất: 4.000.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh) và 300.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở) (2) Phí, lệ phí cấp GCN: * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với đất: 100.000 đồng/lần. * Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận đối với đất: 1.887.000	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất).</p>		<p>đồng/giấy. Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 GCN hoặc 1 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 566.000 đồng/giấy</p>	<p>32/2024/QH15. (3) Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023. (4) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. (5) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (6) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (7) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (8) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021.</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
4.	1.012758	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là tổ chức trong nước	Không quá 20 ngày đối với các khu vực không phải là các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; thời gian thực hiện nghĩa vụ tài	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	(1) Phí thẩm định chuyển mục đích: 4.000.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh) và 300.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở) (2) Phí, lệ phí cấp GCN: * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với đất: 100.000 đồng/lần. * Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận đối với đất: 1.887.000 đồng/giấy. Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 GCN hoặc 1 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 566.000 đồng/giấy.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. (4) Nghị quyết số	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất).			13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021.	
5.	1.012759	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là tổ chức	-Không quá 20 ngày đối với các khu vực không phải là các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; thời gian giải	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm	(1) Phí thẩm định chuyển mục đích: 4.000.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh) và 300.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở) (2) Phí, lệ phí cấp GCN: * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với đất: 100.000 đồng/lần.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		trong nước	quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất).	Phục vụ hành chính công tỉnh	* Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận đối với đất: 1.887.000 đồng/giấy. Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 GCN hoặc 1 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 556.000 đồng/giấy.	<p>sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p> <p>(4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015;</p> <p>(5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019;</p> <p>(6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021;</p> <p>(7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
6.	1.012760	Chuyên hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Không quá 20 ngày đối với các khu vực không phải là các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất).	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	(1) Phí thẩm định giao đất, cho thuê đất: 4.000.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh) và 300.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở) (2) Phí, lệ phí cấp GCN: * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: - Đối với đất: 100.000 đồng/lần. - Đối với đất và tài sản: 500.000 đồng/lần. * Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: + Cấp GCN đối với đất: 1.887.000 đồng/giấy + Cấp GCN đối với đất và tài sản: 2.717.000 đồng/giấy.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. (4) Nghị quyết số	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
					* Ghi chú: Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 GCN hoặc 1 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 566.000 đồng/giấy	13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	
7.	1.012761	Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181	Không quá 20 ngày đối với các khu vực không phải là các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; không quá 30 ngày đối với các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm	(1) Phí thẩm định giao đất, cho thuê đất: 4.000.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh) và 300.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở) (2) Phí, lệ phí cấp GCN: * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với đất: 100.000 đồng/lần.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		Luật Đất đai Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là tổ chức trong nước, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất).	Phục vụ hành chính công tỉnh	* Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận đối với đất: 1.887.000 đồng/giấy. Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 GCN hoặc 1 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 566.000 đồng/giấy	29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. (4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	
8.	1.012762	Điều chỉnh quyết	Không quá 10 ngày đối với	Nộp hồ sơ trực	(1) Phí thẩm định giao	(1) Luật Đất đai số	Một

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	các khu vực không phải là các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; không quá 15 ngày đối với các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất).	tuyên trên Công Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	đất, cho thuê đất: 4.000.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh) và 300.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở) (2) Phí, lệ phí cấp GCN: * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: - Đối với đất: 100.000 đồng/giấy. - Đối với đất và tài sản: 500.000 đồng/giấy. * Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: + Cấp GCN đối với đất: 1.887.000 đồng/giấy + Cấp GCN đối với đất và tài sản: 2.717.000 đồng/giấy. * Ghi chú: Trường hợp nhiều thửa đất lập	31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. (4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND	phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
					chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 GCN hoặc 1 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 566.000 đồng/giấy	ngày 14/12/2015; (5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	
9.	1.012763	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản	Không quá 20 ngày đối với các khu vực không phải là các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; không quá 30 ngày đối với các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành	(1) Phí thẩm định giao đất, cho thuê đất: 4.000.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh) và 300.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở) (2) Phí, lệ phí cấp GCN: * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: - Đối với đất: 100.000	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất).	chính công tỉnh	<p>đồng/giấy.</p> <p>- Đối với đất và tài sản: 500.000 đồng/giấy.</p> <p>* Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận:</p> <p>+ Cấp GCN đối với đất: 1.887.000 đồng/giấy</p> <p>+ Cấp GCN đối với đất và tài sản: 2.717.000 đồng/giấy.</p> <p>* Ghi chú: Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 GCN hoặc 1 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 566.000 đồng/giấy</p>	<p>Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p> <p>(4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015;</p> <p>(5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019;</p> <p>(6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021;</p> <p>(7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021</p>	
10.	1.012764	Chấp thuận tổ chức kinh tế nhận	- Thời hạn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan có	Nộp hồ sơ trực tuyến trên	Phí thẩm định: 4.000.000 đồng (đối với	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án	<p>chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định là không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện thẩm định và có văn bản thẩm định là 15 ngày kể từ ngày nhận được chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Thời hạn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét và có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận tổ chức kinh tế được nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án gửi tổ chức kinh tế có văn bản đề nghị là không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định 	Công Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh) và 300.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở)	<p>ngày 18/01/2024.</p> <p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p> <p>(4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015;</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>của cơ quan có chức năng quản lý đất đai.</p> <p>* Đối với các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện đối với thủ tục hành chính nêu trên được tăng thêm 10 ngày.</p>			<p>(5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019;</p> <p>(6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021;</p> <p>(7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021</p>	
11.	1.012753	<p>Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất</p>	<p>Không quá 20 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu; không quá 23 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu (trong đó đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu là không quá 20 ngày làm việc; cấp Giấy chứng nhận lần đầu là không</p>	<p>Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm</p>	<p>(1) Phí thẩm định giao đất, cho thuê đất: 4.000.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh) và 300.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở)</p> <p>(2) Phí, lệ phí cấp GCN: * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: - Đối với đất: 100.000</p>	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</p> <p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và</p>	<p>Một phần</p>

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>quá 03 ngày làm việc).</p> <p>Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng.</p> <p>Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được</p>	Phục vụ hành chính công tỉnh	<p>đồng/giấy.</p> <p>- Đối với đất và tài sản: 500.000 đồng/giấy.</p> <p>* Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: + Cấp GCN đối với đất: 1.887.000 đồng/giấy + Cấp GCN đối với đất và tài sản: 2.717.000 đồng/giấy.</p> <p>* Ghi chú: trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 GCN hoặc 1 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 566.000 đồng/giấy</p>	<p>Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p> <p>(4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015;</p> <p>(5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019;</p> <p>(6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021;</p> <p>(7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			tăng thêm 10 ngày làm việc.				
12.	1.012754	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	<p>Không quá 20 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu; không quá 23 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu (trong đó đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu là không quá 20 ngày làm việc; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu là không quá 03 ngày làm việc).</p> <p>Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa</p>	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<p>(1) Phí thẩm định giao đất, cho thuê đất: 4.000.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh) và 300.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở)</p> <p>(2) Phí, lệ phí cấp GCN:</p> <p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận:</p> <p>- Đối với đất: 100.000 đồng/lần.</p> <p>- Đối với đất và tài sản: 500.000 đồng/giấy.</p> <p>* Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận:</p> <p>+ Cấp GCN đối với đất: 1.887.000 đồng/giấy</p> <p>+ Cấp GCN đối với đất và tài sản: 2.717.000</p>	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</p> <p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p>	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.</p> <p>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện</p>		<p>đồng/giấy.</p> <p>* Ghi chú: trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 GCN hoặc 1 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 566.000 đồng/giấy</p>	<p>(4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015;</p> <p>(5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019;</p> <p>(6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021;</p> <p>(7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			được tăng thêm 10 ngày làm việc.				
13.	1.012792	Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Không quá 20 ngày. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện đối với từng thủ tục hành chính tăng thêm 10 ngày (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	(1) Phí thẩm định giao đất, cho thuê đất: 4.000.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh) và 300.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở) (2) Phí, lệ phí cấp GCN: * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 500.000 đồng/giấy. * Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: + Cấp GCN đối với đất: 1.887.000 đồng/giấy + Cấp GCN đối với tài sản: 2.024.000 đồng/giấy. + Cấp GCN đối với đất và tài sản: 2.717.000	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất).		<p>đồng/giấy.</p> <p>* Ghi chú: trường hợp nhiều thửa đất thửa lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 GCN hoặc 1 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 566.000 đồng/giấy</p> <p>* Đơn giá đăng ký biến động không cấp Giấy chứng nhận:</p> <p>+ Cấp GCN đối với đất: 1.399.000 đồng/giấy</p> <p>+ Cấp GCN đối với tài sản: 1.395.000 đồng/giấy.</p> <p>+ Cấp GCN đối với đất và tài sản: 1.798.000 đồng/giấy.</p>	<p>Đất đai.</p> <p>(4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015;</p> <p>(5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019;</p> <p>(6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021;</p> <p>(7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021</p>	
14.	1.012802	Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất	Không quá 20 ngày. Đối với các xã miền núi, biên giới;	Nộp hồ sơ trực tuyến trên	(1) Phí thẩm định giao đất, cho thuê đất:	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15	Một

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện đối với từng thủ tục hành chính tăng thêm 10 ngày. (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất).	Công Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	4.000.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh) và 300.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở) (2) Phí, lệ phí cấp GCN: * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 500.000 đồng/giấy. * Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: + Cấp GCN đối với đất: 1.887.000 đồng/giấy + Cấp GCN đối với tài sản: 2.024.000 đồng/giấy. + Cấp GCN đối với đất và tài sản: 2.717.000 đồng/giấy. * Ghi chú: trường hợp nhiều thửa đất thửa lập chung trong 1 hồ sơ và	ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. (4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015;	phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
					cấp chung 1 GCN hoặc 1 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 566.000 đồng/giấy	(5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	
15.	1.012803	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian phê duyệt phương án sử dụng đất kết hợp: không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích: Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị. <p>Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh</p>	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	4.000.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh) và 300.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở)	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện đối với từng thủ tục hành chính tăng thêm 10 ngày. Thời gian trên không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất.</p>			<p>32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. (4) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
16.	1.012821	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất	<p>Không quá 38 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>Thời gian này không tính thời gian Công ty nông, lâm nghiệp hoàn thiện hồ sơ và gửi Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh.</p> <p>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.</p>	<p>Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>4.000.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh) và 300.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở)</p>	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</p> <p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p> <p>(4) Quyết định số</p>	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	
17.	1.012791	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	<p>Không quá thời gian theo quy định như sau:</p> <p>(1) Thời gian thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không quá 25 ngày làm việc;</p> <p>(2) Thời gian thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận sau thu hồi:</p> <p>- Trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu thì thời gian thực hiện đăng ký, cấp lại Giấy chứng nhận không quá 23 ngày làm việc (trong đó đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu là không quá 20 ngày làm việc; cấp Giấy chứng nhận lần đầu là không quá 03 ngày làm việc).</p> <p>- Trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp do đăng ký biến động thì thời gian thực</p>	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<p>* Đối với trường hợp do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận: Không</p> <p>* Đối với trường hợp do lỗi của người sử dụng đất: Thu phí, lệ phí, đơn giá theo thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi (thủ tục đã cấp Giấy chứng nhận trước đó).</p>	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</p> <p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật</p>	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>hiện cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định đối với từng trường hợp đăng ký biến động theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 22 của Nghị định quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>- Thời gian cấp lại Giấy chứng nhận được xác định theo thời gian thủ tục đã cấp Giấy chứng nhận thu hồi. Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại</p>			<p>Đất đai.</p> <p>(4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015;</p> <p>(5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019;</p> <p>(6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021;</p> <p>(7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện đối với từng thủ tục hành chính tăng thêm 10 ngày</p>				
18.	2.002750	<p>Công bố Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có</p>	<p>- Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh lập Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn đăng ký nhu cầu thực hiện dự án thí điểm. - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</p>	<p>Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ</p>	<p>Không quy định</p>	<p>(1) Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; (2) Luật số 43/2024/QH 15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số</p>	<p>Một phần</p>

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		quyền sử dụng đất	<p>công bố Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ký ban hành.</p> <p>- Thông báo chấp thuận cho tổ chức được thực hiện dự án thí điểm được ban hành trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày công bố Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm.</p>	phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		<p>31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;</p> <p>(3) Nghị quyết số 171/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất;</p> <p>(4) Nghị định số 75/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						171/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất.	
19.	1.012756	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	20 ngày làm việc. Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng.	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số	Toàn trình

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
				<p>hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất.</p> <p>- Riêng Cộng đồng dân cư nộp hồ sơ tại bộ phận một cửa UBND cấp xã. UBND cấp xã chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai</p>		<p>32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>(4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015;</p> <p>(5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019;</p> <p>(6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021;</p> <p>(7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
20.	1.012790	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	10 ngày làm việc. Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất	<p>* Lệ phí đăng ký và cấp giấy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: 25.000 đồng/giấy. - Đối với trường hợp cấp mới giấy chứng nhận: 100.000 đồng/giấy. <p>* Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 1.622.000 đồng/giấy + Đối với tài sản: 1.591.000 đồng/giấy + Đối với cả đất và tài sản: 2.082.000 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã 	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</p> <p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống</p>	Toàn trình

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
					<p>cấp: + Đối với đất: 1.348.000 đồng/giấy + Đối với tài sản: 1.346.000 đồng/giấy + Đối với cả đất và tài sản: 1.731.000 đồng/giấy. * Ghi chú: Trường hợp đình chính Giấy chứng nhận mà lỗi do cơ quan nhà nước thì không thu tiền.</p>	<p>thông tin đất đai. (4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021</p>	
21.	1.012765	<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển</p>	<p>10 ngày làm việc (Trừ trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng là không quá 05 ngày làm việc). Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét</p>	<p>Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông</p>	<p>* Lệ phí đăng ký và cấp giấy: - Đối với trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: 25.000 đồng/giấy. - Đối với trường hợp cấp mới giấy chứng nhận: 100.000 đồng/giấy.</p>	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật</p>	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.	nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất	<p>* Đơn giá đăng ký và cấp GCN đối với trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 1.622.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.591.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 2.082.000 đồng/giấy. <p>* Đơn giá đăng ký và cấp GCN đối với trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: 	<p>Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>(4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015;</p> <p>(5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019;</p> <p>(6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021;</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
					<ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 1.403.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.397.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 1.803.000 đồng/giấy - Góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: + Đối với đất: 1.405.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.398.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 1.806.000 đồng/giấy. - Cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng: + Đối với đất: 	(7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021.	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
					1.360.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.352.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 1.747.000 đồng/giấy.		
22.	1.012820	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	10 ngày làm việc. Không tính thời gian xác định giá đất, ký hợp đồng thuê đất không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu	<p>* Lệ phí đăng ký và cấp giấy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: 25.000 đồng/giấy. - Đối với trường hợp cấp mới giấy chứng nhận: 100.000 đồng/giấy. <p>* Đơn giá đăng ký và cấp giấy chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: 2.082.000 đồng/giấy. + Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã 	<p>((1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</p> <p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP</p>	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận. Đối với các xã miền núi, hải đảo.	người sử dụng đất	cấp: 1.806.000 đồng/giấy	ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	
23.	1.012766	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong	03 ngày làm việc. Không tính thời gian xác định giá đất, ký hợp	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ	* Đối với hồ sơ tổ chức: * Lệ phí đăng ký và cấp	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	<p>đồng thuê đất không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.</p>	<p>công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất</p>	<p>giấy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: 25.000 đồng/giấy. - Đối với trường hợp cấp mới giấy chứng nhận: 100.000 đồng/giấy. <p>* Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 1.622.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.591.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 2.082.000 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 	<p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>(4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
					<p>1.349.000 đồng/giấy + Đối với tài sản: 1.346.000 đồng/giấy + Đối với cả đất và tài sản: 1.732.000 đồng/giấy. * Đối với hồ sơ cá nhân: * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường thuộc thị xã, thị trấn thuộc huyện): 25.000 đồng/giấy. * Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 923.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.062.000 đồng/giấy.</p>	<p>ngày 14/12/2015; (5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
					+ Đối với đất và tài sản: 1.351.000 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: + Đối với đất: 570.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 706.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 860.000 đồng/giấy.		
24.	1.012768	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa	<ul style="list-style-type: none"> - Đổi tên hoặc thay đổi thông tin: 05 ngày làm việc; - Thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề: 07 ngày làm việc; - Giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên: 10 ngày làm việc. Không tính thời gian xác định giá đất, ký hợp đồng thuê đất không tính thời gian cơ 	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại	<ul style="list-style-type: none"> * Lệ phí đăng ký và cấp giấy: - Đối với trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: 25.000 đồng/giấy. - Đối với trường hợp cấp mới giấy chứng nhận: 100.000 đồng/giấy. * Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: 	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên	quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất	<p>- Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 1.622.000 đồng/giấy + Đối với tài sản: 1.591.000 đồng/giấy + Đối với cả đất và tài sản: 2.082.000 đồng/giấy.</p> <p>- Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: <i>* Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đổi tên, thay đổi thông tin về giấy tờ pháp nhân, nhân thân hoặc địa chỉ:</i> + Đối với đất: 1.350.000 đồng/giấy + Đối với tài sản: 1.347.000 đồng/giấy + Đối với cả đất và tài sản: 1.734.000</p>	<p>và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
					<p>đồng/giấy.</p> <p><i>* Có thay đổi đối với những hạn chế về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất:</i></p> <p>+ Đối với đất: 1.356.000 đồng/giấy</p> <p>+ Đối với tài sản: 1.350.000 đồng/giấy</p> <p>+ Đối với cả đất và tài sản: 1.742.000 đồng/giấy.</p> <p><i>* Thay đổi diện tích do sạt lở tự nhiên một phần thửa đất:</i></p> <p>+ Đối với đất: 1.360.000 đồng/giấy</p> <p>+ Đối với tài sản: 1.346.000 đồng/giấy</p> <p>+ Đối với cả đất và tài sản: 1.743.000 đồng/giấy.</p>	ngày 10/6/2021	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
25.	1.012769	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký	10 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký quyền sở hữu tài sản gắn liền với thửa đất đã cấp Giấy chứng nhận; không quá 07 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký. Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất	<p>* Lệ phí đăng ký và cấp giấy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: 25.000 đồng/giấy. - Đối với trường hợp cấp mới giấy chứng nhận: 100.000 đồng/giấy. <p>* Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với tài sản: 1.591.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 2.082.000 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với tài sản: 	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</p> <p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15..</p> <p>(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống</p>	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận. .		1.403.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 1.817.000 đồng/giấy	thông tin đất đai. (4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	
26.	1.012770	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức	08 ngày làm việc. Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông	* Lệ phí đăng ký và cấp giấy: - Đối với trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: 25.000 đồng/giấy. - Đối với trường hợp cấp mới giấy chứng nhận: 100.000 đồng/giấy.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.</p>	<p>nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất.</p>	<p>* Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận:</p> <p>1. Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 1.622.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.591.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 2.082.000 đồng/giấy.</p> <p>2. Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: + Đối với đất: 1.408.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.397.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 1.803.000 đồng/giấy</p>	<p>Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15..</p> <p>(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>(4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015;</p> <p>(5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019;</p> <p>(6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021;</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						(7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	
27.	1.012772	<p>Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển</p>	<p>08 ngày làm việc (Trừ trường hợp thay đổi về quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm: 15 ngày làm việc; Trường hợp bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công: 10 ngày làm việc). Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên</p>	<p>Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất</p>	<p>* Lệ phí đăng ký và cấp giấy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: 25.000 đồng/giấy. - Đối với trường hợp cấp mới giấy chứng nhận: 100.000 đồng/giấy. <p>* Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 1.622.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.591.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 2.082.000 đồng/giấy. 	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</p> <p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy</p>	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		<p>nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ</p>	<p>phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.</p>		<p>- Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: <i>*Trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng:</i> + Đối với đất: 1.403.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.397.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 1.803.000 đồng/giấy. <i>*Trường hợp Quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm:</i></p>	<p>chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài			<p>+ Đối với tài sản: 1.403.000 đồng/giấy.</p> <p>+ Đối với cả đất và tài sản: 1.817.000 đồng/giấy</p> <p><i>* Trường hợp bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý:</i></p> <p>+ Đối với đất: 1.403.000 đồng/giấy.</p> <p>+ Đối với tài sản: 1.397.000 đồng/giấy.</p> <p>+ Đối với đất và tài sản: 1.803.000 đồng/giấy.</p> <p><i>* Trường hợp nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai:</i></p>		

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
					<p>+ Đối với đất: 1.403.000 đồng/giấy.</p> <p>+ Đối với tài sản: 1.403.000 đồng/giấy.</p> <p>+ Đối với đất và tài sản: 1.803.000 đồng/giấy.</p> <p><i>* Trường hợp chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận xử lý nợ thế chấp:</i></p> <p>+ Đối với đất: 1.405.000 đồng/giấy.</p> <p>+ Đối với tài sản: 1.398.000 đồng/giấy.</p> <p>+ Đối với đất và tài sản: 1.806.000 đồng/giấy.</p> <p>(Trường hợp cấp một Giấy chứng nhận cấp cho nhiều thửa đất thì đơn giá đối với mỗi thửa đất tăng: 251.000 đồng/giấy).</p>		

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
28.	1.012793	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	10 ngày làm việc. Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất	<p>* Lệ phí đăng ký và cấp giấy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: 25.000 đồng/giấy. - Đối với trường hợp cấp mới giấy chứng nhận: 100.000 đồng/giấy. <p>* Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 1.622.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.591.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 2.082.000 đồng/giấy. 2. Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: 	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</p> <p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống</p>	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
					+ Đối với đất: 1.408.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.397.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 1.803.000 đồng/giấy	thông tin đất đai. (4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	
29.	1.012794	Đăng ký biến động đối với trường hợp điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu	05 ngày làm việc. Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông	* Lệ phí đăng ký và cấp giấy (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường thuộc thị xã, thị trấn thuộc huyện): 50.000 đồng/giấy. * Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 838.000	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			tiện thông tin đại chúng.	nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất	<p>đồng/giấy</p> <p>+ Đối với tài sản: 788.000 đồng/giấy</p> <p>+ Đối với cả đất và tài sản: 1.082.000 đồng/giấy.</p> <p>* Ghi chú: Trường hợp nhiều thửa đất thừa lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 GCN hoặc 1 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 251.000 đồng/giấy.</p>	<p>Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>(4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015;</p> <p>(5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019;</p> <p>(6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021;</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						(7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	
30.	1.012795	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ	Thực hiện trong ngày làm việc nhận được đủ hồ sơ xóa nợ; nếu thời điểm nhận đủ hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể giải quyết việc xóa nợ trong ngày làm việc tiếp theo. Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất	<p>* Lệ phí đăng ký và cấp giấy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: 25.000 đồng/giấy. - Đối với trường hợp cấp mới giấy chứng nhận: 100.000 đồng/giấy. <p>* Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận:</p> <p>(Chưa quy định đối với tổ chức)</p>	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</p> <p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy</p>	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.			<p>chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>(4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015;</p> <p>(5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019;</p> <p>(6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021;</p> <p>(7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021</p>	
31.	1.012815	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	10 ngày làm việc. Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc	<p>* Lệ phí đăng ký và cấp giấy:</p> <p>- Đối với trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: 25.000 đồng/giấy.</p> <p>- Đối với trường hợp</p>	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</p> <p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của</p>	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.	nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất	<p>cấp mới giấy chứng nhận: 100.000 đồng/giấy.</p> <p>* Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 1.622.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.591.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 2.082.000 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 1.410.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.401.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 1.813.000 	<p>Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>(4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015;</p> <p>(5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
					đồng/giấy	ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	
32.	1.012783	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	05 ngày làm việc (Trừ trường hợp thay đổi kích thước các cạnh, diện tích, số hiệu của thửa đất do đo đạc lập bản đồ địa chính, trích đo địa chính thửa đất là 10 ngày làm việc; Trường hợp cấp đổi đồng loạt thực hiện theo dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tiếp nhận tại địa điểm	* Lệ phí đăng ký và cấp giấy: 50.000 đồng/giấy. * Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 838.000 đồng/giấy + Đối với tài sản: 788.000 đồng/giấy + Đối với cả đất và tài sản: 1.082.000 đồng/giấy. * Ghi chú: trường hợp nhiều thửa đất thửa lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 GCN hoặc	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.</p>	theo yêu cầu người sử dụng đất	1 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 251.000 đồng/giấy.	<p>101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>(4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015;</p> <p>(5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019;</p> <p>(6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021;</p> <p>(7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021</p>	
33.	1.012784	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	15 ngày làm việc. Thời gian này không tính thời gian cơ	Nộp hồ sơ trực tuyến trên	* Lệ phí đăng ký và cấp giấy: 100.000	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.</p>	<p>Công Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất</p>	<p>đồng/giấy. * Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: - Trường hợp tách thửa: + Đối với đất: 838.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 788.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 1.082.000 đồng/giấy. - Trường hợp hợp thửa: + Đối với đất: 1622.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1591.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 2.082.000 đồng/giấy. * Ghi chú: trường hợp nhiều thửa đất thửa lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 GCN hoặc</p>	<p>ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết số</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
					1 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 251.000 đồng.	13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	
34.	1.012786	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	10 ngày làm việc. Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm	* Lệ phí đăng ký và cấp giấy: 50.000 đồng/giấy; * Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 838.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 788.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 1.082.000 đồng/giấy. * Ghi chú: trường hợp	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.	Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất	nhiều thửa đất thửa lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 GCN hoặc 1 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 251.000 đồng.	sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.	
35.	1.012788	Đăng ký đất đai đối với trường hợp chuyển nhượng dự án bất động sản	10 ngày làm việc. Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông	* Lệ phí đăng ký và cấp giấy: - Trường hợp cấp lần đầu: + Đối với đất: 100.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 500.000 đồng/giấy; - Trường hợp đăng ký	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.	nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất	biến động hoặc cấp mới: + Đăng ký biến động: 25.000 đồng/giấy; + Cấp mới GCN: 100.000 đồng/giấy; * Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: - Trường hợp cấp lần đầu: + Đối với đất: 1.887.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 2.024.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 2.717.000 đồng/giấy. * Ghi chú: trường hợp nhiều thửa đất thừa lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 GCN hoặc 1 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng	27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
					<p>thêm là: 566.000 đồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp Đăng ký biến động cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 1.622.000 đồng/giấy + Đối với tài sản: 1.591.000 đồng/giấy + Đối với cả đất và tài sản: 2.082.000 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: + Đối với đất: 1.403.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.397.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 1.803.000 đồng/giấy. <p>* Ghi chú: trường hợp nhiều thửa đất thửa lập</p>	<p>ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
					chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 GCN hoặc 1 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 251.000 đồng.		
36.	1.012785	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	10 ngày làm việc. Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng	<p>* Lệ phí đăng ký và cấp giấy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: 25.000 đồng/giấy. - Đối với trường hợp cấp mới giấy chứng nhận: 100.000 đồng/giấy <p>* Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 1.622.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</p> <p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của</p>	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			chứng nhận.	đất	1.591.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 2.082.000 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: + Đối với đất: 1.403.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.397.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 1.803.000 đồng/giấy	Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	
37.	1.012787	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn	10 ngày làm việc. Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi	* Lệ phí cấp giấy: - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: 25.000 đồng/giấy.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		liên với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản (Đối với hồ sơ tổ chức)	hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.	hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp cấp mới giấy chứng nhận: 100.000 đồng/giấy. * Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 1.622.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.591.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 2.082.000 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 1.403.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.397.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài 	<p>43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>(4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015;</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
					sản: 1.803.000 đồng/giấy	(5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	
38.	1.012781	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp	10 ngày làm việc. Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử	Cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc	* Lệ phí đăng ký và cấp giấy (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường thuộc thị xã, thị trấn thuộc huyện): 25.000 đồng/giấy. * Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 923.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.062.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 1.351.000 đồng/giấy.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.	UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất	Trường hợp cấp một Giấy chứng nhận cho nhiều thửa đất thì đơn giá đối với mỗi thửa đất tăng: 204.000 đồng/giấy	101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	
39.	1.012789	Cung cấp dữ liệu đất đai	01 ngày làm việc. Nếu nhận được yêu cầu sau 15 giờ thì việc cung cấp dữ liệu đất đai được thực hiện vào ngày làm	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi	* Lệ phí: 30.000 đồng. * Phí: - Đối với thường hợp khai thác và sử dụng tài	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số	Toàn trình

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			việc tiếp theo.	hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo yêu cầu người sử dụng đất	<p>liệu đất đai từ hệ thống thông tin Quốc gia về đất đai: Thu theo quy định tại thông tư số 56/2024/TT-BTC ngày 31/7/2024 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Đối với trường hợp còn lại: 300.000 đồng/hồ sơ, tài liệu (không bao gồm chi phí in ấn, sao chụp hồ sơ, tài liệu);</p> <p>* Ghi chú: Trường hợp trích lục thửa đất thì thu theo đơn giá trích lục</p>	<p>43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>(4) Thông tư số 56/2024/TT-BTC ngày 31/7/2024 của</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						Bộ Tài chính; (5) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (6) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (7) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (8) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	
40.	1.012805	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Không quá 60 ngày kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai. Thời gian này không tính thời gian nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông	Không quy định	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày	ngành và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.	

II. Lĩnh vực Đo đạc và Bản đồ

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
1.	1.000049	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	Cấp chứng chỉ: 10 ngày làm việc. Cấp đổi, gia hạn: 3 ngày làm việc	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của	Chưa quy định	- Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP.	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
				Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 136/2021/NĐ-CP. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP. 	
2.	1.011671	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	01 ngày làm việc. Nếu nhận được yêu cầu sau 15 giờ thì việc cung cấp dữ liệu được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo hoặc theo thời gian thống nhất với bên yêu cầu cung cấp.	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> * Lệ phí: 30.000 đồng. * Phí: - Đối với trường hợp khai thác và sử dụng thông tin đo đạc và bản đồ: Thu theo quy định tại Thông tư số 47/2024/TT-BTC ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài chính; - Đối với trường hợp còn lại: 300.000 đồng/hồ sơ, tài liệu (không bao gồm chi phí in ấn, sao chụp hồ sơ, tài liệu); * Ghi chú: Trường hợp trích lục thửa đất thì thu theo đơn 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP. - Nghị định số 136/2021/NĐ-CP. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP. - Thông tư số 47/2024/TT-BTC ngày 10 tháng 7 năm 2024. - Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; - Quyết định số 19/2021/QĐ- 	Toàn trình

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
					giá trích lục	UBND ngày 10/6/2021	

III. Lĩnh vực Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
1.	1.004237	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - 02 ngày làm việc đối với các yêu cầu về tra cứu thông tin; cung cấp mốc tọa độ; cung cấp bản đồ dạng giấy và dạng số; - Đối với các yêu cầu cung cấp khối lượng dữ liệu lớn thì thời gian thực hiện tối đa không quá 05 ngày làm việc; 	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp yêu cầu cung cấp dữ liệu để phục vụ cho các mục đích quốc phòng và an ninh; phục vụ yêu cầu trực tiếp của lãnh đạo Đảng và Nhà nước hoặc trong tình trạng khẩn cấp thì không phải trả phí khai thác dữ liệu; - Trường hợp các phòng, đơn vị trực thuộc Sở phô tô đính kèm 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Lưu trữ ngày 11 tháng 11 năm 2011; - Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Quyết định số 21/2013/QĐ-TTg ngày 24/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục bí mật nhà nước độ tối mật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 29/2013/TT-BCA ngày 10/5/2013 của Bộ Công an quy định danh mục bí mật Nhà nước độ mật trong lĩnh vực tài 	Toàn trình

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<ul style="list-style-type: none"> - Đối với dữ liệu thuộc độ mật: cộng thêm thời gian 10 ngày xin ý kiến của Sở. - Đối với dữ liệu thuộc độ tối mật: cộng thêm thời gian 15 ngày xin ý kiến của UBND tỉnh 	tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> văn bản có liên quan để xác định thì không phải trả phí khai thác dữ liệu; - Các trường hợp yêu cầu cung cấp dữ liệu ngoài mục đích nêu trên thì phải trả phí cung cấp dữ liệu; - Phí khai thác và sử dụng tư liệu đo đạc bản đồ: theo Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính 	<ul style="list-style-type: none"> nguyên và môi trường; - Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ - Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc ban hành quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh; 	

B. Thủ tục hành chính cấp huyện

I. Lĩnh vực đất đai cấp huyện

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
1.	1.012771	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân	20 ngày; 30 ngày đối với các xã miền núi, biên giới, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất)	Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa cấp huyện hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công đối với hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính	<p>* Phí thẩm định đất đai: 4.000.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh) và 300.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở)</p> <p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận:</p> <p>+ Đối với đất: 25.000 đồng/giấy</p> <p>+ Đối với cả đất và tài sản: 100.000 đồng/giấy.</p> <p>* Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận lần đầu:</p> <p>+ Đối với đất: 1.949.000 đồng/giấy</p> <p>+ Đối với tài sản: 1.970.000 đồng/giấy.</p> <p>+ Đối với cả đất và tài sản: 2.793.000 đồng/giấy.</p>	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ (4) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ (5) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ;	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						(6) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ; (7) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (8) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 .	
2.	1.012773	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin	20 ngày; 30 ngày đối với các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí,	Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa cấp huyện hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công đối với hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính	<p>* Phí thẩm định đất đai: 4.000.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh) và 300.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở)</p> <p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 25.000 đồng/giấy + Đối với cả đất và tài sản: 100.000 đồng/giấy.</p> <p>* Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng</p>	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		giao đất, thuê đất là cá nhân	lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất)		nhận lần đầu: + Đối với đất: 1.949.000 đồng/giấy + Đối với tài sản: 1.970.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 2.793.000 đồng/giấy.	ngày 30/7/2024 của Chính phủ (4) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ (5) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ; (6) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ; (7) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ; (8) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 .	
3.	1.012774	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp	20 ngày; 30 ngày đối với các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của	Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa cấp huyện hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công đối với hồ sơ không yêu cầu nộp bản	* Phí thẩm định đất đai: 4.000.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh) và 300.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở). * Lệ phí cấp Giấy	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là cá nhân	cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất).	chính	chứng nhận: 25.000 đồng/giấy. * Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 923.000 đồng/giấy + Đối với tài sản: 1.062.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 1.351.000 đồng/giấy.	27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ (4) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ (5) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ; (6) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ; (7) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ; (8) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						10/6/2021 .	
4.	1.012775	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	20 ngày; 30 ngày đối với các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất).	Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa cấp huyện hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công đối với hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính	<p>* Phí thẩm định đất đai: 4.000.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh) và 300.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở).</p> <p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy.</p> <p>* Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận:</p> <p>+ Đối với đất: 923.000 đồng/giấy</p> <p>+ Đối với tài sản: 1.062.000 đồng/giấy.</p> <p>+ Đối với cả đất và tài sản: 1.351.000 đồng/giấy.</p>	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</p> <p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ</p> <p>(4) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ</p> <p>(5) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND</p>	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						ngày 14/12/2015 ; (6) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ; (7) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ; (8) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 .	
5.	1.012776	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	20 ngày; 30 ngày đối với các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền	Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa cấp huyện hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công đối với hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính	* Phí thẩm định giao đất, cho thuê đất: 4.000.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh) và 300.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở). * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy. * Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận:	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất).		+ Đối với đất: 923.000 đồng/giấy + Đối với tài sản: 1.062.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 1.351.000 đồng/giấy.	102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ (4) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ (5) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (6) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (7) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (8) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021.	
6.	1.012777	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho	10 ngày; 15 ngày đối với các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo	Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa cấp huyện hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công đối với hồ sơ không	Phí thẩm định giao đất, cho thuê đất: 4.000.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh) và 300.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15,	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất).	yêu cầu nộp bản chính	quyền sử dụng đất để làm nhà ở) * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy. * Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 923.000 đồng/giấy + Đối với tài sản: 1.062.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 1.351.000 đồng/giấy.	Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ (4) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ (5) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (6) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (7) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (8) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021.	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
7.	1.012778	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	20 ngày; 30 ngày đối với các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa cấp huyện hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công đối với hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính	<p>*Phí thẩm định giao đất, cho thuê đất: 4.000.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh) và 300.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở).</p> <p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy.</p> <p>* Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 923.000 đồng/giấy + Đối với tài sản: 1.062.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 1.351.000 đồng/giấy.</p>	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ (4) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ (5) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015;	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						(6) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (7) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (8) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021.	
8.	1.012779	Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai mà người xin giao đất, cho	20 ngày; 30 ngày đối với các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí,	Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa cấp huyện hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công đối với hồ sơ không yêu cầu nộp bản chính	* Phí thẩm định đất đai: 4.000.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh) và 300.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở). * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 25.000 đồng/giấy + Đối với cả đất và tài sản: 100.000 đồng/giấy. * Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận lần đầu:	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		thuê đất là cá nhân	lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất).		+ Đối với đất: 1.949.000 đồng/giấy + Đối với tài sản: 1.970.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 2.793.000 đồng/giấy.	ngày 30/7/2024 của Chính phủ (4) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ (5) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (6) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (7) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (8) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021.	
9.	1.012780	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán	85 ngày; 95 ngày đối với các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của	Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa cấp huyện hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công đối với hồ sơ không yêu cầu nộp bản	Không quy định	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã	cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất)	chính hoặc nộp trực tiếp tại UBND xã		27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ (4) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ (5) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (6) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (7) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (8) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021.	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		<p>hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại thị trấn thuộc vùng có điều</p>					

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở					
10.	1.012814	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất	20 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu; không quá 23 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu; Tăng 10 ngày đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính	Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa cấp xã hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công	(1) Phí thẩm định giao đất, cho thuê đất: 300.000 đồng (2) Phí, lệ phí cấp GCN: * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: - Đối với đất: 25.000 đồng/giấy. - Đối với đất và tài sản: 100.000 đồng/giấy. * Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: + Cấp GCN đối với đất: 1.970.000 đồng/giấy + Cấp GCN đối với đất và tài sản:	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận</p>		<p>2.793.000 đồng/giấy. * Ghi chú: trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 GCN hoặc 1 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 566.000 đồng/giấy</p>	<p>ngày 30/7/2024 của Chính phủ (4) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ (5) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 ; (6) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 ; (7) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 ; (8) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 .</p>	
11.	1.012817	<p>Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004</p>	<p>20 ngày làm việc; 30 ngày làm việc đối với các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của</p>	<p>Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa cấp huyện hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công hoặc theo thoả thuận</p>	<p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: - Đối với đất: 25.000 đồng. - Đối với cả đất và tài sản: 100.000 đồng. * Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận: + Đối với đất:</p>	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số</p>	<p>Một phần</p>

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận</p>		<p>923.000 đồng/giấy + Đối với tài sản: 1.062.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 1.351.000 đồng/giấy.</p>	<p>27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ (4) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ (5) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (6) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (7) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (8) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021.</p>	
12.	1.012807	Gia hạn sử dụng	20 ngày; Đối với các xã miền	Nộp trực tiếp tại	* Phí thẩm định đất	(1) Luật Đất đai số	Một

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công phần
		đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư	núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày. (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất)	Bộ phận một cửa cấp huyện hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công hoặc theo thỏa thuận	đai: 4.000.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh) và 300.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở). * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy. * Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 923.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.062.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 1.351.000 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: + Đối với đất: 626.000 đồng/giấy.	31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ (4) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ (5) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (6) Nghị quyết số	phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
					+ Đối với tài sản: 764.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 938.000 đồng/giấy.	10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (7) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (8) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	
13.	1.012809	Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư	20 ngày; đối với các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì tăng thêm 10 ngày. (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất,	Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa cấp huyện hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công (nếu đáp ứng đủ điều kiện không phải nộp bản chính)	* Phí thẩm định đất đai: 4.000.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh) và 300.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở). * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 25.000 đồng. * Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận: + Đối với đất: 923.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.062.000 đồng/giấy.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất)		+ Đối với đất và tài sản: 1.351.000 đồng/giấy. * Ghi chú: trường hợp nhiều thửa đất thửa lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 GCN hoặc 1 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 566.000 đồng/giấy	ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. (4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	
14.	1.012810	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là cá nhân	15 ngày với trường hợp phê duyệt phương án sử dụng đất kết hợp; 07 ngày làm việc với trường hợp gia hạn phê duyệt phương án sử dụng đất kết hợp. Tăng thêm 10 ngày đối với các xã miền núi, biên giới; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt	Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa cấp huyện hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công (nếu đáp ứng đủ điều kiện không phải nộp bản	* Phí thẩm định: 4.000.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh) và 300.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở)	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			khó khăn. (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất)	chính)		27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. (4) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021.	
15.	1.012796	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	10 ngày làm việc; 20 ngày làm việc đối với các xã miền núi, biên giới; vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài	Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa cấp huyện hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công hoặc theo thỏa thuận	* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 25.000 đồng. * Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất:	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15,	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.</p>		<p>923.000 đồng/giấy + Đối với tài sản: 1.062.000 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 1.351.000 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: - Đối với đất: 569.000 đồng. - Đối với tài sản: 705.000 đồng. - Đối với đất và tài sản: 858.000 đồng. Trường hợp đính chính Giấy chứng nhận mà nguyên nhân do cơ quan nhà nước thì không thu tiền.</p>	<p>Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ (4) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ (5) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (6) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (7) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (8) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021.</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
16.	1.012786	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	10 ngày làm việc. Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận	Cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất	<p>* Lệ phí đăng ký và cấp giấy: 20.000 đồng/giấy.</p> <p>* Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 576.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 526.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 735.000 đồng/giấy. <p>Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong một hồ sơ và cấp chung trong một Giấy chứng nhận hoặc một hồ sơ mà nhiều Giấy chứng nhận thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (Giấy chứng nhận) tăng: 204.000 đồng/giấy.</p>	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</p> <p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống</p>	Toàn trình

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						<p>thông tin đất đai. (4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021</p>	
17.	1.012791	<p>Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi</p>	<p>Đối với thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không quá 25 ngày làm việc. cấp lại Giấy chứng nhận không quá 23 ngày làm việc. Trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp do đăng ký biến động thì thời gian thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định đối với từng trường hợp đăng ký biến động theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 22 của Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024. Không</p>	<p>Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa cấp huyện hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công hoặc theo thoả thuận</p>	<p>* Đối với trường hợp do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận: Không * Đối với trường hợp do lỗi của người sử dụng đất: Thu phí, lệ phí, đơn giá theo thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi (thủ tục đã cấp Giấy chứng nhận trước đó).</p>	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín</p>	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.			<p>dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ</p> <p>(4) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ</p> <p>(5) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015;</p> <p>(6) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019;</p> <p>(7) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021;</p> <p>(8) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021.</p>	
18.	1.012816	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	10 ngày làm việc. Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời	Cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài nộp hồ sơ tại UBND cấp	<i>Cơ quan chủ trì tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm xây dựng, dự toán bố trí</i>	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi,	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông	gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.	xã nơi có đất	<p><i>kinh phí thực hiện việc đo đạc, chỉnh lý, cập nhật hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người sử dụng đất trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, cụ thể như sau:</i></p> <p>* Lệ phí đăng ký và cấp giấy (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường thuộc thị xã, thị trấn thuộc huyện): 25.000 đồng/giấy.</p> <p>* Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất:</p>	bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
					923.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.062.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 1.351.000 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: + Đối với đất: 630.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 769.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 949.000 đồng/giấy.	ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	
19.	1.012808	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết hạn sử dụng đất	07 ngày làm việc. (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian	Cá nhân nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	* Lệ phí đăng ký và cấp giấy (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường thuộc thị xã, thị trấn thuộc huyện): 25.000 đồng/giấy. * Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15,	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất)	thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất	nhận: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: 923.000 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: 626.000 đồng/giấy	Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	
20.	1.012765	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê	10 ngày làm việc (Trừ trường hợp thực hiện thủ tục cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng là không quá 05 ngày làm việc). Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản	Cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất.	<p>* Lệ phí đăng ký và cấp giấy (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường thuộc thị xã, thị trấn thuộc huyện): 25.000.</p> <p>* Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 923.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.062.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 1.351.000 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: <p><i>* Trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà</i></p>	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký,	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.		<p><i>không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 630.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 769.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 947.000 đồng/giấy. <p><i>* Trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 581.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 721.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 887.000 đồng/giấy. <p><i>* Trường hợp góp vốn bằng quyền sử dụng</i></p>	<p>cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>(4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015;</p> <p>(5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019;</p> <p>(6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021;</p> <p>(7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
					<p>đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: + Đối với đất: 631.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 771.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 952.000 đồng/giấy. Trường hợp cấp một Giấy chứng nhận cấp cho nhiều thửa đất thì đơn giá đối với mỗi thửa đất tăng: 204.000 đồng/giấy</p>		
21.	1.012820	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	10 ngày làm việc. Không tính thời gian xác định giá đất, ký hợp đồng thuê đất, không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin	Cá nhân, công đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	<p>* Lệ phí đăng ký và cấp giấy (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường thuộc thị xã, thị trấn thuộc huyện): 25.000 * Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: 1.351.000 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý</p>	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.	thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất	Giấy chứng nhận đã cấp: 952.000 đồng/giấy.	29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
22.	1.012768	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên	<ul style="list-style-type: none"> - Đổi tên hoặc thay đổi thông tin: 05 ngày làm việc; - Thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề: 07 ngày làm việc; - Giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên: 10 ngày làm việc. Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, 	Cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất	<ul style="list-style-type: none"> * Lệ phí đăng ký và cấp giấy (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường thuộc thị xã, thị trấn thuộc huyện): 25.000. * Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 923.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.062.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 1.351.000 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: <ul style="list-style-type: none"> * <i>Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đổi tên, nhân thân hoặc địa chỉ:</i> <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 570.000 đồng/giấy. 	<ul style="list-style-type: none"> (1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống 	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.		<ul style="list-style-type: none"> + Đối với tài sản: 700.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 852.000 đồng/giấy. * Trường hợp thay đổi đối với những hạn chế về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 578.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 716.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 878.000 đồng/giấy. * Trường hợp thay đổi diện tích do sạt lở tự nhiên một phần thửa đất: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 581.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 705.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 869.000 đồng/giấy. 	<p>thông tin đất đai. (4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
23.	1.012769	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký	10 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký quyền sở hữu tài sản gắn liền với thửa đất đã cấp Giấy chứng nhận; không quá 07 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký. Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với	Cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất	<p>* Lệ phí đăng ký và cấp giấy (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường thuộc thị xã, thị trấn thuộc huyện): 25.000 .</p> <p>* Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với tài sản: 1.062.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 1.351.000 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với tài sản: 783.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 974.000 đồng/giấy 	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.			thông tin đất đai. (4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	
24.	1.012772	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công	08 ngày làm việc (Trừ trường hợp thay đổi về quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm: 15 ngày làm việc; Trường hợp bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công: 10 ngày làm việc). Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác	Cá nhân, công đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND	* Lệ phí đăng ký và cấp giấy (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường thuộc thị xã, thị trấn thuộc huyện): 25.000. * Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 923.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.062.000 đồng/giấy.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố	định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận	cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất	<p>+ Đối với đất và tài sản: 1.351.000 đồng/giấy.</p> <p>- Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp:</p> <p><i>* Trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng:</i></p> <p>+ Đối với đất: 630.000 đồng/giấy.</p> <p>+ Đối với tài sản: 769.000 đồng/giấy.</p> <p>+ Đối với đất và tài sản: 947.000 đồng/giấy.</p> <p><i>* Trường hợp Quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm:</i></p>	Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		<p>cáo về đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</p>			<p>+ Đối với tài sản: 783.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 974.000 đồng/giấy <i>* Trường hợp bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công:</i> + Đối với đất: 630.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 769.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 947.000 đồng/giấy. <i>* Trường hợp nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai:</i> + Đối với đất:</p>		

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
					<p>630.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 769.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 947.000 đồng/giấy. <i>* Trường hợp chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận xử lý nợ thế chấp:</i> + Đối với đất: 632.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 771.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 952.000 đồng/giấy. Trường hợp cấp một Giấy chứng nhận cấp cho nhiều thửa đất thì đơn giá đối với mỗi thửa đất tăng: 204.000 đồng/giấy.</p>		
25.	1.012795	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ	Thực hiện trong ngày làm việc nhận được đủ hồ sơ xóa nợ; nếu thời điểm nhận đủ hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có	Cá nhân, công đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở	* Lệ phí đăng ký và cấp giấy (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường thuộc	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>thể giải quyết việc xóa nợ trong ngày làm việc tiếp theo. Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.</p>	<p>nước ngoài nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất</p>	<p>thị xã, thị trấn thuộc huyện): 25.000. * Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 923.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.062.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 1.351.000 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: + Đối với đất: 630.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 768.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 946.000 đồng/giấy.</p>	<p>43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015;</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						(5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	
26.	1.012815	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	10 ngày làm việc. Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền	Cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất	<p>* Lệ phí đăng ký và cấp giấy (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường thuộc thị xã, thị trấn thuộc huyện): 25.000.</p> <p>* Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 923.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.062.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 1.351.000 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý 	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.		Giấy chứng nhận đã cấp: + Đối với đất: 637.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 779.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 965.000 đồng/giấy.	ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	
27.	1.012813	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử	Không quy định	Cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài nộp hồ sơ trên cổng dịch	* Lệ phí đăng ký và cấp giấy (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường thuộc thị xã, thị trấn thuộc huyện): 25.000 .	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi,	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		<p>dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014</p>		<p>vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất</p>	<p>* Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 923.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.062.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 1.351.000 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 637.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 779.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 965.000 đồng/giấy. 	<p>bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	
28.	1.012781	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp	10 ngày làm việc. Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với	Cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất	<p>* Lệ phí đăng ký và cấp giấy (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường thuộc thị xã, thị trấn thuộc huyện): 25.000.</p> <p>* Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận:</p> <p>- Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 923.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.062.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 1.351.000 đồng/giấy.</p> <p>Trường hợp cấp một Giấy chứng nhận cho nhiều thửa đất thì đơn</p>	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.		giá đối với mỗi thửa đất tăng: 204.000 đồng/giấy	về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	
29.	1.012782	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần	20 ngày làm việc. Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi	Cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm	* Lệ phí đăng ký và cấp giấy (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường thuộc thị xã, thị trấn thuộc huyện): + Đối với đất: 25.000 đồng/giấy.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.	TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất	+ Đối với đất và tài sản: 100.000 đồng/giấy. * Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận: + Đối với đất: 1.949.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.970.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 2.793.000 đồng/giấy.	31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	
30.	1.012783	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	05 ngày làm việc (Trừ trường hợp thay đổi kích thước các cạnh, diện tích, số hiệu của thửa đất do đo đạc lập bản đồ địa chính, trích đo địa chính thửa đất là 10 ngày làm việc; Trường hợp cấp đổi đồng loạt thực hiện theo dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với	Cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất	<p>* Lệ phí đăng ký và cấp giấy (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường thuộc thị xã, thị trấn thuộc huyện):</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 20.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 50.000 đồng/giấy. <p>* Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với đất: 576.000 đồng/giấy. - Đối với tài sản: 526.000 đồng/giấy. - Đối với đất và tài sản: 735.000 đồng/giấy. <p>Trường hợp nhiều thửa đất lập chung</p>	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký,	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.		trong một hồ sơ và cấp chung trong một Giấy chứng nhận hoặc một hồ sơ mà nhiều Giấy chứng nhận thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (Giấy chứng nhận) tăng: 204.000 đồng/giấy.	cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	
31.	1.012784	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	15 ngày làm việc. Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian	Cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu	* Lệ phí đăng ký và cấp giấy: 25.000 đồng/giấy. * Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận: - Đối với trường hợp tách thửa: + Đối với đất: 576.000 đồng/giấy.	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			<p>niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.</p>	<p>chính công ích cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất</p>	<p>+ Đối với tài sản: 526.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 735.000 đồng/giấy. - Đối với trường hợp hợp thửa: + Đối với đất: 923.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.062.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 1.351.000 đồng/giấy. Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong một hồ sơ và cấp chung trong một Giấy chứng nhận hoặc một hồ sơ mà nhiều Giấy chứng nhận thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (Giấy chứng nhận) tăng: 204.000 đồng/giấy</p>	<p>27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021;</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						(7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	
32.	1.012790	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	10 ngày làm việc. Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.	Cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất	<p>* Lệ phí đăng ký và cấp giấy (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường thuộc thị xã, thị trấn thuộc huyện): 25.000.</p> <p>* Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với đất: 569.000 đồng/giấy. - Đối với tài sản: 705.000 đồng/giấy. - Đối với đất và tài sản: 858.000 đồng/giấy. <p>Trường hợp đính chính Giấy chứng nhận mà lỗi do cơ quan nhà nước thì không thu tiền.</p>	<p>(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</p> <p>(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng</p>	Toàn trình

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	
33.	1.012785	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực	10 ngày làm việc. Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại	Cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích cho Bộ phận Tiếp nhận	* Lệ phí đăng ký và cấp giấy (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường thuộc thị xã, thị trấn thuộc huyện): 25.000 * Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất:	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.	và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất	<p>923.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.062.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 1.351.000 đồng/giấy.</p> <p>- Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: + Đối với đất: 630.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 769.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 947.000 đồng/giấy.</p> <p>Trường hợp cấp một Giấy chứng nhận cấp cho nhiều thửa đất thì đơn giá đối với mỗi thửa đất tăng: 204.000 đồng/giấy.</p>	<p>động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						ngày 10/6/2021	
34.	1.012787	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản	10 ngày làm việc. Không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.	Cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc phần mềm TN&MT hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất	<p>* Lệ phí đăng ký và cấp giấy (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường thuộc thị xã, thị trấn thuộc huyện): 25.000.</p> <p>* Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 923.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.062.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 1.351.000 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 630.000 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 769.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 947.000 	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với	Một phần

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
					đồng/giấy.	đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (5) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (6) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; (7) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	
35.	1.012789	Cung cấp dữ liệu đất đai	01 ngày làm việc. Nếu nhận được yêu cầu sau 15 giờ thì việc cung cấp dữ liệu đất đai được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo.	Cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	<p>* Lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ gia đình, cá nhân (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường thuộc thị xã, thị trấn thuộc huyện): 10.000 đồng. - Tổ chức: 30.000 đồng. <p>* Phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với thường hợp khai thác và sử dụng tài liệu đất đai từ hệ 	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và	Toàn trình

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
					<p>thông tin Quốc gia về đất đai: Thu theo quy định tại thông tư số 56/2024/TT-BTC ngày 31/7/2024 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Đối với trường hợp còn lại: 300.000 đồng/hồ sơ, tài liệu (không bao gồm chi phí in ấn, sao chụp hồ sơ, tài liệu);</p> <p>* Ghi chú: Trường hợp trích lục thửa đất thì thu theo đơn giá trích lục</p>	<p>Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. (4) Thông tư số 56/2024/TT-BTC ngày 31/7/2024 của Bộ Tài chính; (5) Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015; (6) Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019; (7) Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021;</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						(8) Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	
36.	1.012811	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không quá 45 ngày kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai. Thời gian này không tính thời gian nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.	Người có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp nộp đơn tại Bộ phận tiếp nhận của Ban Tiếp công dân huyện hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trên cổng dịch vụ công	Không quy định	<p>(8) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</p> <p>- Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p>	Một phần

C. Thủ tục hành chính cấp xã

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
1.	1.012812	Hòa giải tranh chấp đất đai	Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu hòa giải tranh chấp đất đai. Thời gian này không tính thời gian nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật.	Người đề nghị nộp đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai tại Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc trên Cổng dịch vụ công của tỉnh	Không quy định	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.	Một phần

* **Ghi chú:** - Nội dung thủ tục hành chính cụ thể công bố tại Quyết định này được thực hiện theo nội dung đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) và UBND tỉnh công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (<https://dichvucong.binhphuoc.gov.vn>) theo quy định.